

Bản án số: 69/2022/HS – ST
Ngày: 21-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

Ông Trần Đình Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2022/TLST – HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST – HS ngày 18 tháng 3 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/HSST-QĐ ngày 06/4/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Tổ 4, thôn P, xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Vũ Thị G, sinh năm 1954; vợ, con: chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 05/5/2020, bị Công an phường LH, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt số tiền 2.250.000 đồng về hành vi “dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác, sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0003549/QĐ – XPVPHC.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 21/4/2022 bị bắt theo Quyết định bắt, tạm giam số 02/2022/HSST – QĐBTG ngày 19/4/2022 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Trần Thái H, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người chứng kiến: Bà Lê Thị Thu T1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, thôn Đ, xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng 01/08/2021, Nguyễn Minh T đi bộ từ thành phố VT về nhà ở thị xã PM. Khi T đi đến thành phố BR thì gặp ông Trần Thái H đang điều khiển xe mô

tô biển số 72FC – 5981 trên Quốc lộ 51 theo hướng Bà Rịa – Phú Mỹ nên T xin đi nhờ xe thì được H đồng ý. Khi ông H điều khiển xe chở T đến Tổ 3, thôn Đ, xã TH thì T phát hiện túi quần bên trái của ông H có tiền nên dùng tay móc trộm 350.000 đồng làm ông H giật mình quay lại hỏi dẫn đến bị mất lái làm xe và cả ông H cùng T bị ngã xuống đường bất tỉnh. T tỉnh dậy trước, thấy ông H còn đang nằm bất động trên đường nên T lấy luôn chiếc xe của ông H chạy xuống thành phố VT dùng 350.000 đồng trộm được mua ma túy sử dụng hết. Khi ông H tỉnh dậy, thấy mất xe nên trình báo Công an. Cơ quan điều tra qua truy xét đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T để điều tra.

Quá trình điều tra, T đã giao nộp chiếc xe và khai nhận toàn bộ diễn biến sự việc và hành vi của bản thân như đã nêu trên. Còn phía bị hại H, ban đầu khai chở T đến thôn Đ, xã TH thì đã cho T xuống xe rồi ông chạy xe một mình đi được một đoạn nữa mới bị mất lái dẫn đến cả người và xe ngã xuống đường, khi tỉnh dậy mới phát hiện bị mất xe và không rõ có bị tác động vật lý nào khác làm ông bị ngã xe hay không. Do ông H đã bỏ đi khỏi địa phương không khai báo, hiện không rõ ở đâu nên không đủ cơ sở để tiến hành thực nghiệm điều tra, đối chất theo quy định (BL số 43, 44, 46 – 49).

Vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 350.000 đồng, bị cáo khai đã mua ma túy sử dụng hết nên không thu giữ được.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 72FC – 5981, số máy FMBXD 000294, số khung 1VH91000294 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 016286. Do ông H đã bỏ đi đâu không rõ, nên chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã quản lý.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSPM ngày 28/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: trả cho ông H chiếc xe mô tô biển số 72FC – 5981, số máy FMBXD 000294, số khung 1VH91000294 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 016286. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho ông H số tiền 350.000 đồng.

Bị cáo Tân đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đã tuân thủ nghiêm thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 88, 98, 105 Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra không có bức cung, nhục hình.

Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án và tội danh:*

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy phù hợp với nhau, do vậy đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 11 giờ ngày 01/08/2021, sau tai nạn giao thông tại tổ 3, thôn Đ, xã TH, thị xã PM, Nguyễn Minh T đã lén lút chiếm đoạt số tiền 350.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu YMH 50cc biển số 72FC – 5981 trị giá 3.000.000 đồng của ông Trần Thái H. Tổng giá trị tài sản T đã chiếm đoạt của ông H là 3.350.000 đồng.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2021 bị hại ông Trần Thái H khai nhận: Ông H điều khiển xe mô tô hiệu YMH 50cc biển số 72FC – 5981 chở T từ Trung tâm thương mại thành phố BR đi đến thôn Đ, xã TH, thị xã Phú Mỹ thì cho T xuống xe, ông H chạy xe được khoảng 50m thì bị mất lái dẫn đến cả người và xe ngã xuống đường, khi tỉnh dậy phát hiện bị mất xe. Sau ngày 01/8/2021 ông H đã bỏ đi khỏi địa phương không khai báo, hiện không rõ ở đâu nên không cơ quan điều tra không đủ cơ sở để tiến hành thực nghiệm điều tra, đối chất theo quy định. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Ngoài ra còn tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo từng bị xử phạt hành chính về hành vi “dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác, sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà phạm tội. Trong thời gian bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo thường xuyên vắng mặt tại địa phương, khi đi không khai báo với chính quyền địa phương, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo biết tôn trọng pháp luật đồng thời cũng nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo trả lại cho ông H số tiền 350.000 đồng.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Cần trả lại cho ông H chiếc xe mô tô hai bánh hiệu YMH biển số 72FC – 5981, số máy FMBXD 000294, số khung 1VH91000294 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 016286.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho ông Trần Thái H số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Trần Thái H 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh hiệu YMH, màu đỏ, biển số 72FC-5981, số máy: FMBXD 000294, số khung: 1VH91 000294, xe đã cũ và không hoạt động và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 016286 cấp ngày 17/7/2009, tên chủ xe: Vũ Đình H, giấy đã cũ.

(Vật chứng nêu trên hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 50/BB-CCTHADS ngày 28/02/2022).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 06, Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND TX.Phú Mỹ;
- Cơ quan CSĐT Công an TX.Phú Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự TX.Phú Mỹ;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Nhung